

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2020/DSST  
Ngày: 11-6-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc H1 .

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ng.

2. Ông Nguyễn Văn H2.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Duy M – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh T1 – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số:03/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T , sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp Tân Ph , xã Tân Th , huyện A, tỉnh B.

*2. Bị đơn:*

*1.* Bà Trần Diễm L , sinh năm 1960;

*2.* Ông Phan Minh H , sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp Tân Ph , xã Tân Th, huyện A, tỉnh B.

*(Bà T có mặt; bà L , ông H vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Ông Phan Minh H và bà Trần Diễm L có mua thức ăn gia súc của bà T . Đến năm 2016, hai bên chốt nợ lại thì bà L và ông H còn nợ số tiền là 121.435.000đ (Một trăm hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Ông H và bà L trả nhiều lần. Hiện tại ông H và bà L còn nợ bà T số tiền là 51.580.000đ (Năm mươi một triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Đến thời điểm xét xử thì bà L và ông H cho bà T thêm số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Hiện tại ông H và bà L còn nợ bà T số tiền là 48.580.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Nay bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ông Phan Minh H và bà Trần Diễm L liên đới trả số tiền vốn gốc là 48.580.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng), trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phan Minh H và bà Trần Diễm L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T . Buộc ông Phan Minh H và bà Trần Diễm L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ 48.580.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại **Điều 430** Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn bà Trần Diễm L và ông Phan Minh H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L và ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông H .

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bà Trần Diễm L và ông Phan Minh H trả số tiền vốn gốc là 48.580.000đ (Bốn mươi tám triệu năm

*trăm tám mươi nghìn đồng*). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì bà Thanh cung cấp cho Tòa án các biên nhận nợ ghi tên Trần Xuân L ngày 12/7/2018 với số tiền nợ là 60.580.000đ (sáu mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng), biên nhận nợ tên Trần Diễm L với số tiền nợ là 110.550.000đ (*một trăm mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*), biên nhận nợ ghi tên Trần Xuân L với số tiền còn nợ là 103.550.000đ (*một trăm không ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong quá trình nợ thì bà L đã trả dần hiện tại còn nợ bà T với số tiền là 51.580.000đ (*Năm mươi một triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*). Theo biên bản xác minh ngày 29 tháng 4 năm 2020 thì trong hộ ông Phan Minh H có ông Phan Minh H là chủ hộ và vợ là Trần Diễm L. Theo xác nhận của trưởng ấp Tân Ph, xã Tân Th, huyện A ngày 15 tháng 5 năm 2020 thì bà Trần Xuân L và Trần Diễm L là một người. Vì vậy, có căn cứ xác định bà Trần Diễm L nợ bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 48.580.000đ (*Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*). Do bà L chăn nuôi heo để phát triển kinh tế gia đình nên cần phải buộc bà L và ông Hoàng liên đới trả số tiền nợ thức ăn gia súc cho bà T.

[4] Về án phí: Buộc bà Trần Diễm L và ông Phan Minh H liên đới phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 147, **235 Bộ luật Tố tụng dân sự;**
- Căn cứ các Điều 430, 440 **Bộ Luật dân sự năm 2015;**
- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc ông Phan Minh H và bà Trần Diễm L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vốn gốc là 48.580.000đ (*Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Minh Hoàng và bà Trần Diễm L chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

*2. Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Buộc ông Phan Minh H và bà Trần Diễm L liên đới chịu 2.429.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**Võ Ngọc H1**